

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 1)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét xây dựng Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 1), gồm các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ ban hành Nghị quyết

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;
- Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;
- Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều chỉnh Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nghị quyết 165/NQ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;
- Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;
- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ;
- Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 05/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của các địa phương tại các Quyết định số

652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022, số 147/QĐ-TTg ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Quyết định số 1165/QĐ-BNNMT ngày 28/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung danh mục mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; điều chỉnh tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 89/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 (điều chỉnh lần 1); số 41/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 (điều chỉnh lần 2);

- Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 31/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh lựa chọn huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025;

- Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Ngày 13/6/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1148/QĐ-TTg về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. Theo đó, tỉnh Bắc Kạn được bổ sung 108.031 triệu đồng vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

- + Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 107.831 triệu đồng.

- + Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 200 triệu đồng.

- Ngày 28/4/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 1165/QĐ-BNNMT về việc sửa đổi, bổ sung danh mục mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025; Theo đó chỉ đạo dừng thực hiện Mô hình “*Phát triển mô hình được liệu theo chuỗi giá trị gắn với văn hóa, tri thức bản địa của người Dao, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn*” thuộc danh mục mô hình thí điểm đã được phê duyệt tại Quyết định số

799/QĐ-BNN-VPĐP ngày 08/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chỉ đạo điều chuyển nguồn vốn đã bố trí thực hiện mô hình sang đầu tư thực hiện các nội dung khác của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đảm bảo hiệu quả và phù hợp theo quy định của pháp luật.

Kế hoạch vốn thực hiện mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Bắc Kạn là 5.000 triệu đồng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ cho huyện Bạch Thông tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 (trong đó năm 2024 giao 3.644 triệu đồng, năm 2025 giao 1.606 triệu đồng), do đó cần xem xét, phương án điều chỉnh đối với số kế hoạch vốn năm 2025 đã giao.

- Một số dự án/địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sau khi triển khai, đã hoàn thành, quyết toán còn dư kế hoạch vốn, cần điều chỉnh sang cho các dự án/ địa phương có nhu cầu.

- Theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ quy định về sửa đổi bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 40. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:

a) Phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm; kế hoạch đầu tư vốn, dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu hằng năm;...”

Với các nội dung trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 1).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Nghị quyết được xây dựng nhằm điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị, địa phương đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết: Xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2024, Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội, các Nghị định của Chính phủ: Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 và các văn bản hướng dẫn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 1); trên cơ sở đó giao Sở Tài chính chủ trì soạn thảo nghị quyết theo quy định.

Trên cơ sở rà soát của các đơn vị, địa phương, Sở Tài chính đã tổng hợp, xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 1), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 13/6/2025, đảm bảo trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

IV. BỐ CỤC CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 điều:

Điều 1. Điều chỉnh chủ đầu tư tại nội dung giao kế hoạch vốn năm 2025 của dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Điều chỉnh chủ đầu tư của dự án Đường Quảng Bạch - Bản Thi: Chủ đầu tư đã giao: UBND huyện Chợ Đồn; chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh: UBND xã Quảng Bạch (UBND xã Quảng Bạch sau sắp xếp).

Điều 2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, như sau:

2.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn: 14.452 triệu đồng (trong đó: NSTW là 11.481 triệu đồng; NSDP là 2.971 triệu đồng), cụ thể:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 09 dự án do cấp tỉnh điều hành và dự phòng ngân sách tỉnh: 8.945 triệu đồng (trong đó: NSTW là 6.239 triệu đồng; NSDP là 2.616 triệu đồng).

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của 03 địa phương: 5.507 triệu đồng (trong đó: NSTW là 5.152 triệu đồng; NSDP là 355 triệu đồng).

2.2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn: 122.283 triệu đồng (trong đó: NSTW là 119.312 triệu đồng - gồm tăng 107.831 triệu đồng mới được Trung ương bổ sung; NSDP là 2.971 triệu đồng), cụ thể:

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn của 08 dự án do cấp tỉnh điều hành và đề dự phòng phân bổ sau: 122.093 triệu đồng (trong đó: NSTW là 119.312 triệu; NSDP là 2.781 triệu đồng).

+ Bổ sung cho các dự án còn thiếu kế hoạch vốn năm 2025 do Trung ương mới giao bổ sung kế hoạch vốn ngân sách trung ương lần 2: 96.131 triệu đồng

+ Để dự phòng ngân sách tỉnh (Còn 02 dự án do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thực hiện chưa được phê duyệt quyết định đầu tư nên chưa có cơ sở giao kế hoạch vốn): 25.962 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của huyện Na Rì: 190 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo).

Điều 3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, như sau:

3.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của 02 địa phương: 6.704 triệu đồng (trong đó: NSTW là 6.274 triệu đồng; NSDP là 430 triệu đồng).

3.2. Điều chỉnh tăng dự phòng, phân bổ chi tiết sau: 6.904 triệu đồng (trong đó: NSTW là 6.474 triệu đồng; NSDP là 430 triệu đồng).

- Tăng từ phần vốn còn dư của các địa phương: 6.704 triệu đồng.
- Tăng do Trung ương bổ sung kế hoạch vốn NSTW năm 2025: 200 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 1), Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- LĐVP;
- Lưu: VT, TH_(Việt).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đ. Bình
Nguyễn Đăng Bình

THUYẾT MINH MỘT SỐ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN
(Kèm theo Tờ trình số: 189 /TTr-UBND ngày 15/6/2025 của UBND tỉnh)

I. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn

1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 09 dự án do cấp tỉnh điều hành và dự phòng ngân sách tỉnh

(1) Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2022: Giảm 884 triệu đồng.

Dự án giao kế hoạch vốn năm 2025 là 1.667 triệu đồng, chưa thực hiện giải ngân; dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 884 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(2) Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2023-2025: Giảm 377 triệu đồng.

Dự án giao kế hoạch vốn năm 2025 là 4.918 triệu đồng, đã giải ngân 1.671 triệu đồng; dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 377 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(3) Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Nà Nguộc và thôn Khau Lôm, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới: Giảm 2.602 triệu đồng.

Dự án giao kế hoạch vốn năm 2025 là 2.752 triệu đồng, chưa thực hiện giải ngân; dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 2.062 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(4) Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn: Giảm 870 triệu đồng.

Dự án giao kế hoạch vốn năm 2025 là 3.683 triệu đồng, đã giải ngân 2.751 triệu đồng; dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 870 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(5) Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn: Giảm 1.139 triệu đồng.

Dự án giao kế hoạch vốn năm 2025 là 2.536 triệu đồng, đã giải ngân 1.181 triệu đồng; dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 1.355 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(6) Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn: Giảm 42 triệu đồng.

Dự án giao kế hoạch vốn năm 2025 là 1.464 triệu đồng, đã giải ngân 1.172 triệu đồng; dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 42 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(7) Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023-2025: Giảm 758 triệu đồng.

Dự án được phê duyệt với tổng mức đầu tư là 8.072 triệu đồng; dự án đã hoàn thành, được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 với giá trị là 7.105 triệu đồng (trong đó: giá trị quyết toán 7.089 triệu đồng, phải thu hồi 16 triệu đồng); số vốn còn dư là 967 triệu đồng, tuy nhiên giai đoạn 2022-2024 đã giao 7.314 triệu đồng và năm 2025 giao 758 triệu đồng, do đó chỉ thực hiện điều chỉnh giảm đối với số vốn giao năm 2025.

(8) Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã đảm bảo đạt chuẩn: Giảm 616 triệu đồng.

Dự án giao kế hoạch vốn năm 2025 là 712 triệu đồng, đã giải ngân 14 triệu đồng; dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 616 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

(9) Đường Yên Cư - Cao Kỳ: Giảm 211 triệu đồng.

Dự án giao kế hoạch vốn năm 2025 là 4.106 triệu đồng, đã giải ngân 3.620 triệu đồng; dự án đã hoàn thành, đang thực hiện quyết toán; số vốn còn dư, không có khả năng giải ngân là 211 triệu đồng, chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh giảm.

1.2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của 04 địa phương (Huyện Chợ Mới; huyện Bạch Thông; thành phố Bắc Kạn; huyện Chợ Đồn): 5.507 triệu đồng; do các dự án cấp huyện đã được phê duyệt, triển khai còn dư kế hoạch vốn, địa phương không có nhu cầu thực hiện, đề nghị điều chỉnh giảm.

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn

2.1. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của huyện Na Rì: 190 triệu đồng.

UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh điều chỉnh bổ sung 190 triệu đồng cho huyện Na Rì tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 08/5/2025 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương lần 2, đề nghị điều chỉnh trong kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia để đảm bảo cho thống nhất.

2.2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn của 08 dự án do cấp tỉnh điều hành và để dự phòng phân bổ sau

(1) Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư tại chỗ xã Công Bằng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn: Tăng 883 triệu đồng.

Cuối năm 2024, trung ương mới thực hiện giao kế hoạch vốn NSTW năm 2025 lần 1 cho tỉnh (chưa giao đủ kế hoạch vốn) nên dự án chưa được bố trí đủ kế hoạch vốn năm 2025 theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Đến nay, trung ương đã thực hiện giao bổ sung kế hoạch vốn NSTW năm 2025, do đó đề nghị bố trí bổ kế hoạch vốn cho dự án (KH vốn trung hạn đang điều chỉnh của dự án là 7.883 triệu đồng, đến nay đã bố trí 7.000 triệu đồng, còn thiếu 883 triệu đồng).

(2) Dự án đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025: Tăng 25.340 triệu đồng.

KH vốn trung hạn của dự án là 36.058 triệu đồng, đến nay đã bố trí 10.718 triệu đồng, còn thiếu 25.340 triệu đồng.

(3) Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024-2025: Tăng 4.488 triệu đồng.

KH vốn trung hạn của dự án là 14.852 triệu đồng, đến nay đã bố trí 10.364 triệu đồng, còn thiếu 4.488 triệu đồng.

(4) Đường Quảng Bạch - Bản Thi: Tăng 1.298 triệu đồng.

KH vốn trung hạn của dự án là 10.000 triệu đồng, đến nay đã bố trí 8.702 triệu đồng, còn thiếu 1.298 triệu đồng.

(5) Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2022: Tăng 590 triệu đồng.

KH vốn trung hạn của dự án là 52.171 triệu đồng, đến nay đã bố trí 51.581 triệu đồng, còn thiếu 590 triệu đồng.

(6) Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023-2025: Tăng 16.800 triệu đồng.

KH vốn trung hạn của dự án là 106.029 triệu đồng, đến nay đã bố trí 89.229 triệu đồng, còn thiếu 16.800 triệu đồng.

(7) Đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Đồi Khau Mạ (thôn bản Vèn) thuộc di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Chợ Đồn: Tăng 9.709 triệu đồng.

KH vốn trung hạn đang điều chỉnh của dự án là 10.189 triệu đồng, đến nay đã bố trí 480 triệu đồng, còn thiếu 9.709 triệu đồng.

(8) Dự án Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn: 37.023 triệu đồng.

KH vốn trung hạn đang điều chỉnh của dự án là 97.711 triệu đồng, đến nay đã bố trí 60.688 triệu đồng, còn thiếu 37.023 triệu đồng.

(9) Đề dự phòng ngân sách tỉnh: 25.962 triệu đồng, do còn 02 dự án do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thực hiện chưa được phê duyệt quyết định đầu tư nên chưa có cơ sở giao kế hoạch vốn.

II. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của 03 địa phương: 6.704 triệu đồng.

1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn thực hiện mô hình thí điểm OCOP của huyện Bạch Thông: 1.606 triệu đồng.

Ngày 28/4/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 1165/QĐ-BNNMT chỉ đạo dừng thực hiện Mô hình “*Phát triển mô hình được liệu theo chuỗi giá trị gắn với văn hóa, tri thức bản địa của người Dao, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn*” và chỉ đạo điều chuyển nguồn vốn đã bố trí thực hiện mô hình sang đầu tư thực hiện các nội dung khác của Chương trình.

Tổng kế hoạch vốn thực hiện mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Bắc Kạn là 5.250 triệu đồng đã được HĐND tỉnh phân bổ cho huyện Bạch Thông tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 01/8/2023, trong đó năm 2024 giao 3.644 triệu đồng, năm 2025 giao 1.606 triệu đồng. Do đó, chỉ thực hiện điều chỉnh giảm đối với kế hoạch vốn giao năm 2025, giảm 1.606 triệu đồng.

1.2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của 03 địa phương (*Huyện Chợ Mới; huyện Bạch Thông; thành phố Bắc Kạn*): 5.098 triệu đồng; do các dự án cấp huyện đã được phê duyệt, triển khai còn dư kế hoạch vốn, địa phương không có nhu cầu thực hiện, đề nghị điều chỉnh giảm.

2. Điều chỉnh tăng dự phòng, phân bổ chi tiết sau: 6.904 triệu đồng.

Hiện nay các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và năm 2025 thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới của các địa phương đã được triển khai và bố trí đủ kế hoạch vốn thực hiện theo quy định. Các địa phương đang thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền 02 cấp nên chưa có nhu cầu đề xuất bổ sung danh mục mới. Do đó đề nghị chuyển số vốn còn dư và số vốn

được trung ương mới bổ sung về dự phòng, phân bổ sau (sau khi sắp xếp xong đơn vị cấp xã)./.

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 15/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kan)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (nếu có)			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Lấy kế 2021-2024			Kế hoạch vốn năm 2025			Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn				Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Chức năng nhiệm vụ thực hiện đã giao	Chức năng nhiệm vụ thực hiện đã giao	
			Tổng	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		KH vốn đã giao			KH vốn đã giao			Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:				
				Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Tổng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW		Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW			Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)
	TỔNG					1.664.655	1.571.724	92.931	1.108.388	1.049.754	58.634	405.932	373.970	31.962	-11.481	-2.971	119.312	2.971	513.763	481.801	31.962			
A	TỈNH ĐIỀU HÀNH					773.876	727.946	45.930	521.410	494.834	26.576	91.814	74.960	16.854	-6.329	-2.616	119.312	2.781	204.962	187.943	17.019			
I	DỰ ÁN 1 - GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIỂU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT					120.441	116.214	4.227	115.117	110.890	4.227	6.585	6.585	0	-1.261	0	0	0	5.324	5.324	0			
	Nội dung 1: Hỗ trợ nước sinh hoạt					120.441	116.214	4.227	115.117	110.890	4.227	6.585	6.585	0	-1.261	0	0	0	5.324	5.324	0			
1	Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2022	2022-2025	1394/QĐ-UBND ngày 27/7/2022;	83.711	79.958	3.753	64.566	61.571	2.995	63.783	60.788	2.995	1.667	1.667	-884				783	783	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
2	Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2023 - 2025	2023-2025	2586/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	59.531	58.299	1.232	55.875	54.643	1.232	51.334	50.102	1.232	4.918	4.918	-377				4.541	4.541	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
II	DỰ ÁN 2 - QUỸ HOẠCH, SẮP XẾP, BỔ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT					113.158	107.548	5.610	143.268	136.086	7.182	77.313	73.847	3.466	22.221	20.077	2.144	-3.890	-763	883	0	18.451	17.070	1.381
1	Dự án bổ trí ổn định tập trung dân cư tại chỗ xã Công Bằng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn	2022-2024	2054/QĐ-UBND ngày 24/10/2022; 937/QĐ-UBND ngày 30/5/2024	10.000	9.500	500	7.883	7.383	500	7.000	6.500	500	0				883		883	883	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
2	Dự án bổ trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Nà Ngườc và thôn Khau Lôm, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	2023-2025	1719/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	12.500	11.800	700	8.895	8.735	160	8.745	8.585	160	2.752	2.212	540	-2.062	-540		150	150	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
3	Dự án bổ trí ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	2023-2025	1861/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	37.615	35.733	1.882	34.804	32.940	1.864	31.991	30.188	1.803	3.683	3.604	79	-852	-18		2.813	2.752	61	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
4	Dự án bổ trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	2023-2025	2227/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	13.500	12.825	675	11.083	10.571	512	9.686	9.174	512	2.536	2.373	163	-976	-163		1.397	1.397	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
5	Dự án: Bổ trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Nà Hối, xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	2022-2025	635/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	27.000	25.650	1.350	21.277	19.927	1.350	9.491	9.300	191	11.786	10.627	1.159				11.786	10.627	1.159	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
6	Bổ trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Đồn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	2023-2025	2236/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	12.543	12.040	503	11.822	11.361	461	10.400	10.100	300	1.464	1.261	203	-42			1.422	1.261	161	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
III	DỰ ÁN 3 - PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG THỂ MẠNH CÁC VÙNG MIỀN ĐE SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ					36.058	34.340	1.718	0	0	0	10.718	9.000	1.718	0	0	25.340	0	36.058	34.340	1.718			
1	Dự án đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025	2022-2025	194/QĐ-UBND ngày 02/2/2024	36.058	34.340	1.718	36.058	34.340	1.718	0	0	0	10.718	9.000	1.718		25.340		36.058	34.340	1.718	Ban QLDA ĐTXD tỉnh và Phát triển nông thôn		
IV	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN					172.370	154.577	17.793	150.694	138.756	11.938	17.475	11.213	6.262	-1.178	-407	5.786	0	21.676	15.821	5.855			
IV.1	Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					32.069	30.623	1.446	20.384	19.403	981	7.955	7.399	556	-667	-91	4.488	0	11.685	11.220	465			
1	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2022	2022-2024	1962/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	10.370	9.852	518	9.903	9.434	469	9.903	9.434	469	0					0	0	0	Ban QLDA ĐTXD tỉnh			
2	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023-2025	2023-2025	870/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	8.072	7.668	404	7.314	7.001	313	7.314	7.001	313	758	667	91	-667	-91		0	0	0	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
3	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024-2025	2023-2025	1693/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	14.832	14.188	664	14.832	14.188	664	3.167	2.968	199	7.197	6.732	465		4.488		11.685	11.220	465	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		

TT	Tên dự án, công trình	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (nếu có)			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Lũy kế 2021-2024			Kế hoạch vốn năm 2025			Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn				Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện dự án	Chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh	
			Tăng	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng	KH vốn đã giao		Tổng	KH vốn đã giao		Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:				
				Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)			
IV.2	Nội dung 3: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn					2.593	2.545	48	2.497	2.449	48	712	607	105	-511	-105	0	0	96	96	0			
1	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã đảm bảo đạt chuẩn	2023-2025	1914/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	3.209	3.056	153	2.593	2.545	48	2.497	2.449	48	712	607	105	-511	-105			96	96	0	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
IV.3	Nội dung 4: Đầu tư công nghệ hóa đường đến trung tâm xã chưa được công nhận; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã)					137.708	121.409	16.299	127.813	116.904	10.909	8.808	3.207	5.601	0	-211	1.298	0	9.895	4.505	5.390			
1	Đường Nông Hà - Khe Thái: DH.75	2022-2024	1873/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	14.686	12.771	1.915	14.519	12.771	1.748	14.519	12.771	1.748	0						0	0	0	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
2	Đường liên xã Cao Sơn - Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông	2022-2024	1863/QĐ-UBND ngày 04/10/2022	23.878	21.416	2.462	23.878	21.416	2.462	23.878	21.416	2.462	0						0	0	0	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
3	Đường Bình Trung-Trung Minh (Tuyên Quang)	2022-2024	1845/QĐ-UBND ngày 30/9/2022)	10.506	9.136	1.370	10.217	9.136	1.081	10.217	9.136	1.081	0						0	0	0	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
4	Đường từ trung tâm xã Cỏ Dền, huyện Ngân Sơn đến xã Thành Công, huyện Nguyên Bình	2022-2024	1758/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	7.025	6.109	916	6.678	6.109	569	6.678	6.109	569	0						0	0	0	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
5	Đường liên thôn Phường Giản (Xã Phúc Lộc) - Lũng Phếu (Yến Dương)	2022-2024	2214/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	5.193	4.576	617	4.930	4.576	354	4.930	4.576	354	0						0	0	0	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
6	Đường Nguyễn Loan - Cỏ Lành	2022-2024	1619/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	8.096	7.040	1.056	7.688	7.040	648	7.688	7.040	648	0						0	0	0	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
7	Cải tạo, nâng cấp đường Quang Phong - Đồng Xã	2022-2024	2005/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	25.466	22.400	3.066	24.862	22.400	2.462	24.862	22.400	2.462	0						0	0	0	UBND huyện Na Rì	UBND xã Quang Phong	
8	Đường Yên Cư - Cao Kỳ	2023-2025	1066/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	24.240	21.078	3.162	23.189	20.238	2.951	19.294	18.977	317	4.106	1.261	2.845	0	-211		3.895	1.261	2.634	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
9	Đường liên xã Quang Thuận huyện Bạch Thông - xã Mai Lạp Chợ Mới	2023-2025	967/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	12.051	10.479	1.572	11.747	10.479	1.268	11.747	10.479	1.268	0	0	0				0	0	0	Ban QLDA ĐTXD CTGT		
10	Đường Quảng Bạch - Bản Thi	2024-2025	2520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	12.000	7.244	2.756	10.000	7.244	2.756	4.000	4.000	0	4.702	1.946	2.756		1.298	6.000	3.244	2.756		UBND huyện Chợ Đồn	UBND xã Quảng Bạch	
V	DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC					158.206	150.667	7.533	110.961	107.192	3.769	29.849	26.085	3.764	0	0	17.390	0	47.239	43.475	3.764			
1	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2022	2022-2025	2034/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	52.171	49.667	2.504	52.171	49.667	2.504	50.500	48.192	2.308	1.081	885	196		590		1.671	1.475	196	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
2	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình MTQG phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023-2025	2023-2025	1913/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	106.029	101.000	5.029	106.029	101.000	5.029	60.461	59.000	1.461	28.768	25.200	3.568		16.800		45.568	42.000	3.568	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
VI	DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH					45.828	43.722	2.106	8.745	8.460	285	0	0	0	0	0	9.300	409	9.709	9.300	409			
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					8.427	7.987	440	500	500	0							0	0	0	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản, văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số					20.407	19.435	972	960	960	0							0	0	0	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
3	Đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Đồi Khau Mạ (thôn bản Yên) thuộc di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Chợ Đồn	2023-2025	1084/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	10.189	9.780	409	10.189	9.780	409	480	480	0					9.300	409	9.709	9.300	409	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					6.805	6.520	285	6.805	6.520	285							0	0	0				
VII	DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TÂM VỨC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM					97.711	92.340	5.371	58.580	55.689	2.891	2.108	2.000	108	0	0	34.651	2.372	39.131	36.651	2.480			
1	Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	2022-2025	2035/QĐ-UBND ngày 21/10/2022; 1783/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	137.969	59.970	2.999	97.711	92.340	5.371	58.580	55.689	2.891	2.108	2.000	108		34.651	2.372	39.131	36.651	2.480	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		

TT	Tên dự án, công trình	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (nếu có)			Kế hoạch vốn giải đoạn 2021-2025			Lấy kế 2021-2024			Kế hoạch vốn năm 2025			Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn				Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện đã giao	Chức vụ đảm nhiệm
			Tăng	Trong đó:		Tăng số	Trong đó:		KH vốn đã giao			KH vốn đã giao			Giảm		Tăng		Tăng số	Trong đó:			
				Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Tổng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		
VIII	Dự phòng					0	0	0	0	0	0	2.858	2.858	-1.446	25.962			27.374	25.962	1.412			
B	PHÂN CẤP HUYỆN ĐIỀU HÀNH					890.779	843.778	47.001	586.978	554.920	32.058	314.118	299.010	15.108	-5.152	-355	0	190	308.801	293.858	14.943		
I	DỰ ÁN 1 - GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIỆU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT					85.115	76.785	8.330	48.497	44.228	4.269	38.900	34.797	4.103	-2.240	-232	0	190	36.618	32.557	4.061		
	Nội dung 1, 2, 3: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất - phân cấp huyện điều hành					85.115	76.785	8.330	48.497	44.228	4.269	38.900	34.797	4.103	-2.240	-232	0	190	36.618	32.557	4.061		
1	Huyện Chợ Mới					9.874	8.978	896	4.955	4.523	432	4.919	4.455	464					4.919	4.455	464	UBND Huyện Chợ Mới	
2	Huyện Chợ Đồn					9.313	8.485	828	7.773	7.085	688	1.540	1.400	140					1.540	1.400	140	UBND huyện Chợ Đồn	
3	Huyện Ngân Sơn					10.811	9.835	976	5.237	4.765	472	5.574	5.070	504					5.574	5.070	504	UBND huyện Ngân Sơn	
4	Huyện Bạch Thông					6.782	6.190	592	4.582	4.190	392	4.672	4.240	432	-2.240	-232			2.200	2.000	200	UBND huyện Bạch Thông	
5	Huyện Na Rì					12.449	10.860	1.589	7.221	6.540	681	5.038	4.320	718			190		5.228	4.320	908	UBND huyện Na Rì	
6	Huyện Pác Nặm					17.651	15.850	1.801	11.286	10.350	936	6.365	5.500	865					6.365	5.500	865	UBND huyện Pác Nặm	
7	Huyện Ba Bể					18.236	16.588	1.648	7.443	6.775	668	10.793	9.813	980					10.793	9.813	980	UBND huyện Ba Bể	
II	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN					783.089	745.543	37.546	526.270	499.124	27.146	264.589	254.079	10.510	-2.660	-110	0	0	261.819	251.419	10.400		
	Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu cùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã DBKK, thôn DBKK					783.089	745.543	37.546	526.270	499.124	27.146	264.589	254.079	10.510	-2.660	-110	0	0	261.819	251.419	10.400		
1	Huyện Chợ Mới					88.917	84.439	4.478	63.145	59.885	3.260	31.424	30.181	1.243	-627	-25			30.772	29.554	1.218	UBND Huyện Chợ Mới	
2	Huyện Chợ Đồn					124.182	118.274	5.908	81.124	76.961	4.163	43.058	41.313	1.745					43.058	41.313	1.745	UBND huyện Chợ Đồn	
3	Huyện Ngân Sơn					92.936	88.510	4.426	62.054	58.850	3.204	30.882	29.660	1.222					30.882	29.660	1.222	UBND huyện Ngân Sơn	
4	Huyện Bạch Thông					97.524	92.868	4.656	66.198	62.780	3.418	32.944	31.641	1.303	-1.553	-65			31.326	30.088	1.238	UBND huyện Bạch Thông	
5	Huyện Na Rì					154.894	147.518	7.376	103.424	98.084	5.340	51.470	49.434	2.036					51.470	49.434	2.036	UBND huyện Na Rì	
6	Huyện Pác Nặm					101.338	96.512	4.826	67.664	64.171	3.493	33.674	32.341	1.333					33.674	32.341	1.333	UBND huyện Pác Nặm	
7	Huyện Ba Bể					122.293	116.469	5.824	81.656	77.440	4.216	40.637	39.029	1.608					40.637	39.029	1.608	UBND huyện Ba Bể	
8	Thành phố Bắc Kạn					1.005	953	52	1.005	953	52	500	480	20	-480	-20			0	0	0	UBND thành phố Bắc Kạn	
III	DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ, KIỂM TRA GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH					22.575	21.450	1.125	12.211	11.568	643	10.629	10.134	495	-252	-13	0	0	10.364	9.882	482		
	Tiểu dự án 1: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					0	0	0	0	0	0	0	0	0					0	0	0		
1	Huyện Chợ Mới					1.713	1.627	86	1.713	1.627	86	0	0	0					0	0	0	UBND Huyện Chợ Mới	
2	Huyện Chợ Đồn					1.735	1.648	87	1.735	1.648	87	265	252	13	-252	-13			0	0	0	UBND huyện Chợ Đồn	
3	Huyện Ngân Sơn					900	838	62	900	838	62	0	0	0					0	0	0	UBND huyện Ngân Sơn	
4	Huyện Bạch Thông					1.110	-1.054	56	1.110	1.054	56	0	0	0					0	0	0	UBND huyện Bạch Thông	
5	Huyện Na Rì					8.665	8.252	413	2.772	2.633	139	5.893	5.619	274					5.893	5.619	274	UBND huyện Na Rì	
6	Huyện Pác Nặm					6.573	6.260	313	2.102	1.997	105	4.471	4.263	208					4.471	4.263	208	UBND huyện Pác Nặm	
7	Huyện Ba Bể					1.879	1.771	108	1.879	1.771	108	0	0	0					0	0	0	UBND huyện Ba Bể	

Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số ~~139~~/TTr-UBND ngày ~~15~~/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

DVT: Triệu đồng

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Điều chỉnh kế hoạch vốn				Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng	Trong đó:		KH vốn đã giao			Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:		
			NSTW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	
1	2	3	4	5	42	43	44								48
	TỔNG CỘNG (Nội dung thành phần số 2)	495.342	450.780	44.562	109.049	95.420	13.629	-6.274	-430	6.474	430	109.249	95.620	13.629	
	PHÂN CẤP HUYỆN ĐIỀU HÀNH	495.342	450.780	44.562	109.049	95.420	13.629	-6.274	-430	6.474	430	109.249	95.620	13.629	
1	Huyện Pác Nặm	44.348	42.236	2.112	7.875	7.500	375					7.875	7.500	375	
2	Huyện Ngân Sơn	18.037	17.149	888	711	653	58					711	653	58	
3	Huyện Chợ Đồn	193.014	163.349	29.665	53.362	42.400	10.962					53.362	42.400	10.962	
4	Huyện Chợ Mới	54.187	51.326	2.861	10.876	10.362	514	-148	-6			10.722	10.214	508	
5	Huyện Ba Bể	33.428	31.833	1.595	3.957	3.768	189					3.957	3.768	189	
6	Huyện Bạch Thông	110.436	105.168	5.268	29.290	27.910	1.380	-5.455	-392			23.443	22.455	988	
7	Huyện Na Rì	28.024	26.617	1.407	1.000	942	58					1.000	942	58	
8	Thành phố Bắc Kạn	6.963	6.627	336	1.977	1.884	93	-671	-32			1.274	1.213	61	
9	Dự phòng	6.904	6.474	430						6.474	430	6.904	6.474	430	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 1)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ X, KỲ HỌP**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 ngày 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 05/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của các địa phương tại các Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022, số 147/QĐ-TTg ngày 23/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh (điều chỉnh lần 1); Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của HĐND tỉnh (điều chỉnh lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 1); Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày /6/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Điều chỉnh chủ đầu tư tại nội dung giao kế hoạch vốn của dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

(Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn: 14.452 triệu đồng (trong đó: NSTW là 11.481 triệu đồng; NSDP là 2.971 triệu đồng).

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 09 dự án do cấp tỉnh điều hành và dự phòng ngân sách tỉnh: 8.945 triệu đồng (trong đó: NSTW là 6.239 triệu đồng; NSDP là 2.616 triệu đồng).

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của 03 địa phương: 5.507 triệu đồng (trong đó: NSTW là 5.152 triệu đồng; NSDP là 355 triệu đồng).

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn: 122.283 triệu đồng (trong đó: NSTW là 119.312 triệu đồng – gồm tăng 107.831 triệu đồng mới được Trung ương bổ sung; NSDP là 2.971 triệu đồng).

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn của 08 dự án do cấp tỉnh điều hành và để dự phòng phân bổ sau: 122.093 triệu đồng (trong đó: NSTW là 119.312 triệu; NSDP là 2.781 triệu đồng).

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của huyện Na Rì: 190 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo)

Điều 3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân cấp huyện điều hành của 03 địa phương: 6.704 triệu đồng (trong đó: NSTW là 6.274 triệu đồng; NSDP là 430 triệu đồng).

2. Điều chỉnh tăng dự phòng, phân bổ chi tiết sau: 6.904 triệu đồng (trong đó: NSTW là 6.474 triệu đồng; NSDP là 430 triệu đồng).

(Chi tiết tại biểu số 03 kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và hướng dẫn thực hiện chuyển tiếp đối với thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá X, kỳ họp thông qua ngày .. tháng .. năm 2025/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lm: VT, HS.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

**ĐIỀU CHỈNH CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH
TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư đã giao	Chủ đầu tư sau điều chỉnh	Ghi chú
I	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN			
	<i>Nội dung 4: Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã)</i>			
1	Đường Quảng Bạch - Bản Thi	UBND huyện Chợ Đồn	UBND xã Quảng Bạch	

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/5/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (nếu có)			Kế hoạch vốn năm 2025			Điều chỉnh kế hoạch vốn				Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện đã giao	Chức năng nhiệm vụ điều chỉnh	
				Trong đó:		KH vốn đã giao		Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng	Ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Đã ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)				
	TỔNG,					154.871	135.447	19.424	-11.481	-2.971	119.312	2.971	262.702	243.278	19.424			
A	TỈNH ĐIỀU HÀNH					80.028	64.333	15.695	-6.329	-2.616	119.312	2.781	193.176	177.316	15.860			
I	DỰ ÁN 1 - GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THUÊ ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT					6.585	6.585	0	-1.261	0	0	0	5.324	5.324	0			
	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt					6.585	6.585	0	-1.261	0	0	0	5.324	5.324	0			
1	Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2022	2022-2025	1394/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	83.711	79.938	3.753	1.667	1.667		-884			783	783	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
2	Dự án Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2023 - 2025	2023-2025	2386/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	59.531	58.299	1.232	4.918	4.918		-377			4.541	4.541	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
II	DỰ ÁN 2 - QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT			86.158	81.898	4.260	10.435	9.450	985	-3.890	-763	883	0	6.665	6.443	222		
1	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư tại chỗ xã Công Bằng, huyện Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn	2022-2025	2054/QĐ-UBND ngày 24/10/2022; 937/QĐ-UBND ngày 30/5/2024	10.000	9.500	500	0					883	883	883	883	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT	
2	Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Nà Ngai và thôn Khau Lỗn, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	2023-2025	1719/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	12.500	11.800	700	2.752	2.212	540	-2.062	-540		150	150	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
3	Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	2023-2025	1861/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	37.615	35.733	1.882	3.683	3.604	79	-852	-18		2.813	2.752	61	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
4	Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Dám, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	2023-2025	2227/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	13.500	12.825	675	2.536	2.373	163	-976	-163		1.397	1.397	0	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
5	Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Đồn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	2023-2025	2236/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	12.543	12.040	503	1.464	1.261	203		-42		1.422	1.261	161	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT		
III	DỰ ÁN 3 - PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG THẾ MẠNH CÁC VÙNG MIỀN ĐỒNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ					10.718	9.000	1.718	0	0	25.340	0	36.058	34.340	1.718			
1	Dự án đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025	2022-2025	194/QĐ-UBND ngày 02/2/2024	36.058	34.340	1.718	10.718	9.000	1.718			25.340	36.058	34.340	1.718	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
IV	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN					17.475	11.213	6.262	-1.178	-407	5.786	0	21.676	15.821	5.855			

TT	Tên dự án, công trình	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (nếu có)			Kế hoạch vốn năm 2025			Điều chỉnh kế hoạch vốn				Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư (Đơn vị thực hiện đã giao)	Chức danh tư vấn kỹ thuật
			Tổng	Trong đó:		KHV ổn đã giao			Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:			
				Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		
IV.1	Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					7.955	7.399	556	-667	-91	4.488	0	11.685	11.220	465		
1	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chương trình MTQG phát triển KT –XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023-2025	2023-2025	870/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	8.072	7.668	404	758	667	91	-667	-91		0	0	0	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chương trình MTQG phát triển KT –XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2024-2025	2023-2025	1693/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	14.852	14.188	664	7.197	6.732	465		4.488		11.685	11.220	465	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
IV.2	Nội dung 3: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn					712	607	105	-511	-105	0	0	96	96	0		
1	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã đảm bảo đạt chuẩn	2023-2025	1914/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	3.209	3.056	153	712	607	105	-511	-105		96	96	0	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
IV.3	Nội dung 4: Đầu tư củng cố, đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; từ trung tâm xã đến các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã)					8.808	5.207	5.601	0	-211	1.298	0	9.895	4.505	5.390		
1	Đường Yên Cư - Cao Kỳ	2023-2025	1066/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	24.240	21.078	3.162	4.106	1.261	2.845	0	-211		3.895	1.261	2.634	Ban QLDA ĐTXD CTGT	
2	Đường Quảng Bạch - Bản Thi	2024-2025	2520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	12.000	7.244	2.756	4.702	1.946	2.756		1.298		6.000	3.244	2.756	UBND huyện Chợ Đồn	UBND xã Quảng Bạch
V	DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIAO DỤC ĐẠO TẠO NĂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC					29.849	26.085	3.764	0	0	17.390	0	47.239	43.475	3.764		
1	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình MTQG phát triển KT –XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2022	2022-2025	2034/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	52.171	49.667	2.504	1.081	885	196		590		1.671	1.475	196	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình MTQG phát triển KT –XH vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023-2025	2023-2025	1913/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	106.029	101.000	5.029	28.768	25.200	3.568		16.800		45.568	42.000	3.568	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
VI	DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH					0	0	0	0	0	9.300	409	9.709	9.300	409		
1	Đầu tư tạo dựng, tôn tạo di tích lịch sử ở Đồi Khe Mỵ (thôn bản V) thuộc di tích lịch sử An toàn khu (ATK) Chợ Đồn	2023-2025	1084/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	10.189	9.789	409					9.300	409	9.709	9.300	409	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

TT	Tên dự án, công trình	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư dự án (nếu có)				Kế hoạch vốn năm 2025			Điều chỉnh kế hoạch vốn				Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/dơn vị thực hiện đã giao	Chủ đầu tư đề nghị điều chỉnh
				Tổng	Trong đó:		KH vốn đã giao			Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:			
					Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		
711	DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TÂM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM						2.108	2.000	108	0	0	34.651	2.372	39.131	36.651	2.480		
I	Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	2022-2025	2035/QĐ-UBND ngày 21/11/2022; 1783/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	137.909	59.970	2.999	2.108	2.000	108			34.651	2.372	39.131	36.651	2.480	Ban QLĐA ĐTXD tỉnh	
7111	Dự phòng						2.858		2.858		-1.446	25.962		27.374	25.962	1.412		
II	PHÂN CẤP HUYỆN ĐIỀU HÀNH						74.843	71.114	3.729	-5.152	-355	0	190	69.526	65.962	3.564		
3	DỰ ÁN 1 - GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT						9.710	8.560	1.150	-2.240	-232	0	190	7.428	6.320	1.108		
	Nội dung 1, 2, 3: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất - phân cấp huyện điều hành						9.710	8.560	1.150	-2.240	-232	0	190	7.428	6.320	1.108		
1	Huyện Bạch Thông						4.672	4.240	432	-2.240	-232			2.200	2.000	200	UBND huyện Bạch Thông	
2	Huyện Nà Rì						5.038	4.320	718				190	5.228	4.320	908	UBND huyện Nà Rì	
11	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BẢO ĐTS&MN						64.868	62.302	2.566	-2.660	-110	0	0	62.098	59.642	2.456		
	Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu cùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã DBKK, thôn DBKK						64.868	62.302	2.566	-2.660	-110	0	0	62.098	59.642	2.456		
1	Huyện Chợ Mới						31.424	30.181	1.243	-627	-25			30.772	29.554	1.218	UBND Huyện Chợ Mới	
2	Huyện Bạch Thông						32.944	31.641	1.303	-1.553	-65			31.326	30.088	1.238	UBND huyện Bạch Thông	
3	Thành phố Bắc Kạn						500	480	20	-480	-20			0	0	0	UBND thành phố Bắc Kạn	
III	DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ, KIỂM TRA GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH						265	252	13	-252	-13	0	0	0	0	0		
	Nội dung số 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi													0	0	0		
1	Huyện Chợ Đồn						265	252	13	-252	-13			0	0	0	UBND huyện Chợ Đồn	

Biểu số 03

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

DVT: Triệu đồng

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2025			Điều chỉnh kế hoạch vốn				Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng	Trong đó:		KH vốn đã giao			Giảm		Tăng		Tổng số	Trong đó:		
			NSTW	Nguồn vốn tỉnh đối ứng	Tổng	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách TW	Đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	
	TỔNG CỘNG (Nội dung thành phần số 2)	178.490	169.595	8.895	42.144	40.157	1.987	-6.274	-430	6.474	430	42.344	40.357	1.987	
	PHÂN CẤP HUYỆN ĐIỀU HÀNH	178.490	169.595	8.895	42.144	40.157	1.987	-6.274	-430	6.474	430	42.344	40.357	1.987	
1	Huyện Chợ Mới	54.187	51.326	2.861	10.876	10.362	514	-148	-6			10.722	10.214	508	
2	Huyện Bạch Thông	110.436	105.168	5.268	29.290	27.910	1.380	-5.455	-392			23.443	22.455	988	
3	Thành phố Bắc Kạn	6.963	6.627	336	1.977	1.884	93	-671	-32			1.274	1.213	61	
4	Dự phòng	6.904	6.474	430						6.474	430	6.904	6.474	430	